

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/DS-ST

Ngày: 21 - 12 - 2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị T Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Bà Phan Mỹ Trang

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đào Công Minh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa :* Bà Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2020/TLST-DSST, ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2021/QĐST-DS ngày 30/11/2021.

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 21, ấp Tân Hiệp A, TT. Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Vương Sơn H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp Tân Đông, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là đại diện ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2020. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Danh Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 21, ấp Tân Hiệp A, TT. Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Danh Thị Hồng C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Tân Hiệp A, TT Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là đại diện ủy quyền của bị đơn theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2021. (Có mặt).

Phiên dịch viên: Ông Liêu Khăng - Cán bộ hưu trí.

Địa chỉ: Ấp Tân Hiệp B, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị T (do ông Hồ Vương Sơn H đại diện theo ủy quyền) trình bày: Bà Danh Thị H có ký nhận vay tiền của bà Ngô Thị T số tiền là 397.300.000đ, cụ thể:

Vào năm 2018, bà Danh Thị H có đến nhà bà T vay 250.000.000đ khi vay tiền bà H có thể chấp cho bà T một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 341,7m² GCNQSD số H01981Ph ngày 23/3/2009 do bà Danh Thị H đứng tên, lúc vay 250.000.000đ có đóng lãi 04 lần mỗi lần 3.500.000đ tổng cộng được 14.000.000đ.

Các lần tiếp theo bà H vay nhiều lần thêm 120.000.000đ, khi vay thêm thì có làm giấy, mỗi lần vay thì làm giấy lại, các giấy vay trước thì đều không còn, sau đó, do bà H không đóng lãi nữa nên vào ngày 08/6/2020 thì có làm một giấy biên nhận, cụ thể bà H nhận vay số tiền là 397.300.000đ trong đó vốn vay là 370.000.000đ và lãi suất là 27.300.000đ.

Trước đây, bà T khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho bà T 397.300.000đ nhưng thấy hoàn cảnh bà H khó khăn nên bà T yêu cầu bà H phải trả cho bà T số tiền 360.000.000đ, số tiền còn lại 37.300.000đ bà T cho bà H và cũng không yêu cầu tính lãi. Bà T tự nguyện trả lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Theo tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Danh Thị H (do bà Danh Thị Hồng C, đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Bà H có nhiều lần vay tiền của bà T tổng cộng 20.000.000đ, lần thứ nhất vào ngày 16/6/2016 al vay 5.000.000đ, lần thứ hai ngày 10/10/2016 al vay 10.000.000đ, lần thứ 3 cách lần thứ hai khoảng 05 tháng ngày 08/8/2018 vay thêm 5.000.000đ. Tổng cộng 03 lần vay là 20.000.000đ thỏa Tân lãi suất 6.000.000đ/tháng/20.000.000đ, mục đích vay tiền để trị bệnh. Do không có tiền đóng lãi nên ngày 08/6/2020 thì có làm một giấy biên nhận lại cụ thể bà H nhận vay số tiền là 397.300.000đ nhưng trong đó vốn vay là 20.000.000đ và còn lại là tiền lãi. Từ khi vay đến nay đã trả lãi được 85.000.000đ, khi trả lãi cho bà T, bà T có viết giấy đưa cho bà H, nhưng giờ không còn giữ giấy này nữa. Đối với yêu cầu của bà T thì chỉ thống nhất trả cho bà T 20.000.000đ chứ không đồng ý trả

360.000.000đ. Do hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần 5.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 BLDS 2015 tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Danh Thị H trả cho bà Ngô Thị T số tiền 360.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 37.300.000đ và yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn tự nguyện rút.

Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho bị đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 915523 (Số vào sổ H0198pH ngày 23/3/2009) do UBND huyện Thoại Sơn cấp cho bà Danh Thị H, thửa số 10, tờ bản đồ số 14, tại TT. Óc Eo, Thoại Sơn, An Giang, diện tích 341,7m².

Về án phí: Bị đơn nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng Tộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Danh Thị H phải trả cho bà 397.300.000đ. Bà Danh Thị H có địa chỉ Tổ 21, ấp Tân Hiệp A, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Ban đầu theo đơn khởi kiện bà Ngô Thị T yêu cầu khởi kiện bà Danh Thị H phải trả cho bà số tiền đã vay 397.300.000đ trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H phải trả cho bà 360.000.000đ không yêu cầu tính lãi, nhưng bà Danh Thị H cho

rằng bà chỉ vay 20.000.000đ nên không đồng ý trả 360.000.000đ cho bà T. Bà T cung cấp chứng cứ là Biên nhận nợ vay 397.300.000đ có chữ ký của bà H.

Theo biên nhận nợ ngày 08/6/2020 có nội dung “bà Danh Thị H có ký nhận hỏi vay của bà Ngô Thị T 397.000.300đ, lãi suất 1,5 phần trăm, có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, như vậy bà H có ký nhận vay tiền của bà Ngô Thị T 397.000.300đ đến nay chưa trả. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả cho bà T 360.000.000đ còn thiếu và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà T và bà H có xác lập hợp đồng vay tài sản, giữa hai bên đương sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, có làm giấy tờ phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Từ khi nhận tiền đến nay thì bà H chưa trả hết tiền cho bà T do đó bà T yêu cầu bà H phải trả số tiền còn thiếu 360.000.000đ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Bà H có xác nhận biên nhận nợ ngày 08/6/2020 do bà là người trực tiếp ký, khi ký nhận vay tiền thì bà có đọc lại nhưng thực chất là nhiều lần vay tiền của bà T tổng cộng chỉ có 20.000.000đ. Từ khi vay đến nay bà đã trả lãi được 85.000.000đ, khi trả lãi thì bà T có viết giấy nhận lãi đưa cho bà H, nhưng giờ không còn giữ giấy này nữa. Đối với yêu cầu của bà T thì bà H chỉ thống nhất trả cho bà T 20.000.000đ chứ không trả 360.000.000đ vì bà ký biên nhận vay 397.300.000đ là do bà T tính lãi chồng lên và ép buộc bà ký chứ bà không vay số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T cho rằng chỉ vay 20.000.000đ và trả lãi 85.000.000đ nhưng bà lại không cung cấp được chứng cứ bà chỉ vay 20.000.000đ, không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà đã trả lãi cho bà T 85.000.000đ và cũng không có chứng cứ nào thể hiện bà T tính vốn 20.000.000đ cộng dồn lãi rồi bắt buộc bà ký nhận nợ 397.300.000đ, ngoài lời thừa nhận của bà T trong biên nhận này có 27.300.000 là tiền lãi còn lại là tiền vốn 370.000.000đ. Do đó lời khai nại của bà H không có căn cứ để xem xét. Bà H chỉ thống nhất trả 20.000.000đ nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần 5.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ. Yêu cầu này không được bà T đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Bị đơn cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn được 85.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh; trong khi đó, nguyên đơn cho biết chỉ nhận của bị đơn 14.000.000đ tiền lãi. Vì vậy, lời trình bày của bị đơn không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi tiếp vì đã nhận lãi 14.000.000đ rồi, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và việc đã nhận 14.000.000đ tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Việc thế chấp tài sản: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khi vay tiền, bị đơn có đưa cho nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gồm: 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 915523 số vào sổ H0198pH, diện tích 341,7m², thửa số 10, tờ bản đồ số 14 do UBND huyện Thoại Sơn cấp cho bà Danh Thị H ngày 23/3/2009. Xét thấy, việc bà T giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H là không đúng với quy định của pháp luật, tuy nhiên bà T tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H nên ghi nhận sự tự nguyện này, bà Ngô Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà Danh Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát bà H thừa nhận có ký nhận biên nhận nợ ngày 08/6/2020. Nhưng bà H chỉ thừa nhận đã vay 20.000.000đ và xin trả dần số tiền vay 20.000.000đ xét thấy lời khai nài này không có căn cứ. Căn cứ vào hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H phải trả cho bà T 360.000.000đ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên xem xét là có căn cứ.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bị buộc phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà T nên bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà H có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi, yêu cầu này có căn cứ nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

Buộc bà Danh Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền 360.000.000đ (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 37.300.000đ (*Ba mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng*) và yêu cầu tính lãi suất.

Bà Ngô Thị T có nghĩa vụ trả lại cho bà Danh Thị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0198pH, diện tích 341,7m², thửa số 10, tờ bản đồ số 14 do UBND huyện Thoại Sơn cấp cho bà Danh Thị H ngày 23/3/2009 (bản gốc).

Về án phí: Bà Danh Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị T được nhận lại 9.932.500đ (*Chín triệu chín trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008027 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đình Thị T Hằng